**NỘI DUNG ÔN LUYỆN PHẦN TIẾNG VIỆT KHỐI 9**

**NĂM HỌC 2020 - 2021**

**A. HỌC KÌ 1**

**\* Yêu cầu:**

 - Nhớ khái niệm các phương châm hội thoại; Nhớ những cách phát triển của từ vựng.

 - Hiểu và xác định được: Các phương châm hội thoại, nghĩa chuyển và phương thức chuyển nghĩa;

 - Hiểu và xác định được từ vựng trong văn cảnh;

 - Nắm được cách chuyển lời dẫn trực tiếp sang gián tiếp.

 - Phân tích giá trị biểu cảm của phép tu từ từ vựng.

**Câu 1:*Các phương châm hội thoại đã học: PC về lượng, về chất, cách thức, quan hệ, lịch sự.***

(*Chú ý mối liên quan giữa các phương châm hội thoại với tình huống giao tiếp*.)

***- Phương châm về lượng:*** Khi giao tiếp, cần nói cho có nội dung; nội dung của lời nói phải đáp ứng đúng yêu cầu của cuộc giao tiếp, không thiếu, không thừa.

***- Phương châm về chất:***Khi giao tiếp, đừng nói những điều mà mình không tin là đúng hay không có bằng chứng xác thực.

***- Phương châm cách thức:*** Khi giao tiếp, cần nói ngắn gọn, rành mạch; tránh nói mơ hồ.

***- Phương châm quan hệ:*** Khi giao tiếp, cần nói đúng vào đề tài giao tiếp, tránh nói lạc đề.

***- Phương châm lịch sự:***Khi giao tiếp, cần tế nhị và tôn trọng người khác.

**Câu 2: a. *Lập sơ đồ hệ thống hóa các cách phát triển của từ vựng.***



**b.** *-*Nắm các cách phát triển của từ vựng và phương thức chuyển nghĩa: chuyển nghĩa theo phương thức ẩn dụ và hoán dụ.

 - Xác định từ vựng trong văn cảnh

**Câu 3:**

*-*Thế nào là cách dẫn trực tiếp? Thế nào là cách dẫn gián tiếp? Nêu dấu hiệu nhận biết 2  cách dẫn này ?

- Nhận diện và biết cách chuyển lời dẫn trực tiếp sang gián tiếp, biết tạo câu có lời dẫn.

**Câu 4**: Tổng kết từ vựng (SGK Ngữ văn 9 tập I trang 158-> 159).

**MỘT SỐ BÀI TẬP THAM KHẢO**

**1)*Giải nghĩa, đặt câu với các trường hợp sau. Và cho biết chúng tuân thủ hoặc vi phạm những phương châm hội thoại nào*?**

|  |  |
| --- | --- |
|  - Nói như đinh đóng cột - Dây cà ra dây muống        - Lời chào cao hơn mâm cỗ    - Nói có sách, mách có chứng     - Ông nói gà, bà nói vịt   | - Im lặng là vàng     - Lời nói chẳng mất tiền mua,- Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.  - Lúng búng như ngậm hột thị- Đánh trống bỏ dùi |

 **2) *Xác định và phân tích giá trị*** ***của các biện pháp tu từ trong các trường hợp sau*:**

a) Bếp lửa – Bằng Việt

*Một bếp lửa chờn vờn sương sớm,*

*Một bếp lửa ấp iu nồng đượm*

*Cháu thương bà biết mấy nắng mưa.*

b) Bài thơ về tiểu đội xe không kính - Phạm Tiến Duật

*Không có kính, rồi xe không có đèn,*

*Không có mui xe, thùng xe có xước,*

*Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước*

*Chỉ cần trong xe có một trái tim.*

 c) Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ của Nguyễn Khoa Điềm

*Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi,*

*Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng.*

   d) *Truyện Kiều – Nguyễn Du*

*Thà rằng liều một thân con,*

*Hoa dù rã cánh lá còn xanh cây.*

e) Truyện Kiều – Nguyễn Du

*Vân xem trang trọng khác vời,*

*Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang.*

*Hoa cười ngọc thốt đoan trang,*

*Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da*.

g) Truyện Kiều – Nguyễn Du

*Kiều càng sắc sảo mặn mà,*

*So bề tài sắc lại là phần hơn.*

*Làn thu thủy nét xuân sơn,*

*Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh.*

h) Bếp lửa – Bằng Việt

*“Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm*

*Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi*

*Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui*

*Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ*

*Ôi kì lạ và thiêng liêng – bếp lửa!”*

i) Ngắm trăng – Hồ Chí Minh

*Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,*

*Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.*

**3) *Giải thích nghĩa của từ gạch chân và phân tích biện pháp tu từ có trong đoạn thơ sau :***

                       Đầu lòng hai ả **tố nga**,

               Thúy Kiều là chị em là Thúy Vân.

                       Mai cốt cách tuyết tinh thần,

                Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười.

(*Trích: Chị em Thúy Kiều – Nguyễn Du*)

**4) *Chỉ ra và phân tích tác dụng của từ láy trong đoạn thơ sau*:**

                  Nao nao dòng nước uốn quanh,

           Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.

                  Sè sè nắm đất bên đàng,

           Rầu rầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.

(*Truyện Kiều – Nguyễn Du*)

**5) *Xác định nghĩa gốc, nghĩa chuyển và phương thức chuyển nghĩa của những từ gạch chân trong các trường hợp sau***:

**a)**

Gần xa nô nức yến anh,

Chị em sắm sửa bộ hành chơi **xuân**.

Ngày **xuân** em hãy còn dài,

Xót tình máu mủ thay lời nước non.

**b)**

Được lời như cởi tấm lòng,

Gởi kim thoa với khăn hồng trao **tay**.

Cũng nhà hành viện xưa nay,

Cũng phường bán thịt cũng **tay** buôn người.

**c)**

Đề huề lưng túi gió trăng,

Sau **chân** theo một vài thằng con con.

Buồn trông nội cỏ rầu rầu,

**Chân** mây mặt đất một màu xanh xanh.

**6) *Xác định nghĩa gốc, nghĩa chuyển và phương thức chuyển nghĩa của các từ***: vai, miệng, chân, tay, đầu ***trong đoạn thơ sau:***

Áo anh rách **vai**

Quần tôi có vài mảnh vá

**Miệng**cười buốt giá

**Chân** không giày

Thương nhau **tay** nắm lấy bàn **tay.**

Đêm nay rừng hoang sương muối

Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới

**Đầu** súng trăng treo.

(*Đồng chí – chính Hữu*)

**7) *Đọc kĩ đoạn trích sau và trả lời câu hỏi :***

*“Nhân dịp Tết, một đoàn các chú lái máy bay lên thăm cơ quan cháu ở SaPa. Không có cháu ở đấy. Các chú lại cử một chú lên tận đây. Chú ấy nói: nhờ cháu có góp phần phát hiện một đám mây khô mà ngày ấy, không quân ta hạ được bao nhiêu phản lực Mĩ trên cầu Hàm Rồng. Đối với cháu, thật là đột ngột, không ngờ lại là như thế. Chú lái máy bay có nhắc đến bố cháu, ôm cháu mà lắc: “Thế là một – hòa nhé!”. Chưa hòa đâu bác ạ. Nhưng từ hôm ấy cháu sống thật hạnh phúc.”*

a. Đoạn trích trên trích từ văn bản nào ? Tác giả là ai? Nêu tình huống truyện.

b. Xác định lời dẫn trực tiếp và gián tiếp có trong đoạn trích, Nêu dấu hiệu nhận biết.

c. Tìm ít nhất bốn từ Hán Việt cấu tạo theo mô hình: không + x  (*Mẫu: không quân*)

**8) *Chuyển các lời dẫn: ở trường hợp (a,*** ***b) sang cách dẫn gián tiếp và ở trường hợp (c,*** ***d) sang cách dẫn trực tiếp.***

a. Anh ấy bảo tôi: “Sáng mai, tôi đi Hà Nội. Bác có muốn gửi gì về nhà không ?”

b. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định : “Đoàn kết là sức mạnh vô địch”.

c. Trong Báo cáo Chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định rằng chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng.

d. Trong cuốn sách Tiếng Việt, một biểu hiện hùng hồn của sức sống dân tộc, nhà phê bình văn học Đặng Thai Mai khẳng định rằng người Việt Nam ngày nay có lí do đầy đủ và vững chắc để tự hào với tiếng nói của mình.

**B. HỌC KÌ 2**

**Câu 1: Đặc điểm và công dụng của**[**khởi ngữ**](https://doctailieu.com/soan-bai-khoi-ngu)**? Cho ví dụ**

- Đặc điểm

* Là thành phần câu đứng trước chủ ngữ để nêu lên đề tài được nói đến trong câu
* Trước khởi ngữ thường có thêm các từ: về, đối với

- Công dụng: Nêu lên đề tài được nói đến trong câu

- Ví dụ:

* Đối với **tôi** thì việc học không có gì là khó khăn cả.
* **Làm khí tượng**, ở độ cao thế mới là lí tưởng chứ.

**Câu 2: Thế nào là**[**thành phần biệt lập**](https://doctailieu.com/cac-thanh-phan-biet-lap)**? Kể tên các thành phần biệt lập ? Cho ví dụ.**

- Thành phần biệt lập là thành phần không tham gia vào việc diễn đạt sự việc của câu.

**a.** **Thành phần tình thái** là thành phần được dùng để thể hiện cách nhìn của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu (*hình như, có vẻ như, có lẽ, dường như, cũng may*, …)

- Ví dụ: **Có lẽ** văn nghệ rất kị "tri thức hóa" nữa. ( Nguyễn Đình Thi)

**b.** **Thành phần cảm thán** là thành phần được dùng để bộc lộ thái độ, tình cảm, tâm lí của người nói (vui, mừng, buồn, giận...); có sử dụng những từ ngữ như: *chao ôi, a , ơi, trời ơi....* Thành phần cảm thán có thể được tách thành một câu riêng theo kiểu câu đặc biệt.

- Ví dụ: **Trời ơi,** chỉ còn có năm phút.

**c.** **Thành phần gọi - đáp** là thành phần biệt lập được dùng để tạo lập hoặc duy trì quan hệ giao tiếp; có sử dụng những từ dùng để gọi – đáp.

- Ví dụ:

* **Vâng**, mời bác và cô lên chơi (Nguyễn Thành Long)
* **Này**, rồi cũng phải nuôi lấy con lợn...mà ăn mừng đấy ! (Kim Lân)
* Lan **ơi!**

**d. Thành phần phụ chú** là thành phần biệt lập được dùng để bổ sung một số chi tiết cho nội dung chính của câu; thường được đặt giữa hai dấu gạch ngang, hai dấu phẩy, hai dấu ngoặc đơn hoặc giữa hai dấu gạch ngang với dấu phẩy. Nhiều khi thành phần phụ chú cũng được đặt sau dấu hai chấm.

- Ví dụ: Chúng tôi, mọi người **– kể cả anh**, đều tưởng con bé sẽ đứng yên đó thôi. (Nguyễn Quang Sáng)

**Câu 3: Yêu cầu của việc liên kết nội dung và liên kết hình thức giữa các câu, đoạn văn?**

- Câu văn, đoạn văn trong văn bản phải liên kết chặt chẽ với nhau về nội dung và hình thức:

* Liên kết nội dung: các đoạn văn phải phục vụ chủ đề chung của văn bản, các câu văn phải phục vụ chủ đề chung của đoạn (liên kết chủ đề); các đoạn văn, câu văn phải đƣợc xắp xếp theo trình tự hợp lí (liên kết logic).
* Liên kết về hình thức: các câu văn, đoạn văn có thể đƣợc liên kết với nhau bằng một số biện pháp chính là phép lặp, phép đồng nghĩa, trái nghĩa, phép liên tƣởng, phép thế, phép nối.

**Câu 4: Các phép liên kết câu và đoạn văn ? Cho ví dụ ?**

***a. Phép lặp từ ngữ:*** là cách lặp lại ở câu đứng sau những từ đã có ở câu trước.

Ví dụ: **Tôi** nghĩ đến những niềm hi vọng, bỗng nhiên hoảng sợ. Khi Nhuận Thổ xin chiếc lư hương và đôi đèn nến, **tôi** cười thầm, cho rằng anh ta lúc nào cũng không quên sùng bái tượng gỗ. (Lỗ Tấn)

***b.* Phép thế:** là cách sử dụng ở câu sau các từ ngữ có tác dụng thay thế từ ngữ đã có ở câu trước.

Các yếu tố thế:

- Dùng các chỉ từ hoặc đại từ như: *đây, đó, ấy, kia, thế, vậy..., nó, hắn, họ, chúng nó*...thay thế cho các yếu tố ở câu trước, đoạn trước.

- Dùng tổ hợp "danh từ + chỉ từ" như: *cái này, việc ấy, điều đó*,... để thay thế cho yếu tố ở câu trước, đoạn trước. Các yếu tố được thay thế có thể là từ, cụm từ, câu, đoạn.

**Ví dụ:** **Cô bé** hàng xóm đã quen với công việc này. **Nó** lễ phép hỏi Nhĩ.. (*Bến quê* – Nguyễn Minh Châu)

***c. Phép nối:***

Các phương tiện nối:

- Sử dụng quan hệ từ để nối: *và, rồi, nhưng, mà, còn, nên, cho nên, vì, nếu, tuy, ...*

**Ví dụ:** Tác phẩm nghệ thuật nào cũng xây dựng bằng những vật liệu mượn ở thực tại. **Nhưng** nghệ sĩ không ghi lại những cái đã có rồi mà còn muốn nói một điều gì mới mẻ. (Nguyễn Đình Thi)

- Sử dụng các từ chuyển tiếp: những quán ngữ như: *một là, hai là, trước hết, cuối cùng, nhìn chung, tóm lại, thêm vào đó, hơn nữa, ngược lại, vả lại ...*

**Ví dụ:** Cụ cứ tưởng thế chứ nó chẳng hiểu gì đâu! **Vả lại** nuôi chó mà chả bán hay giết thịt ! (Nam Cao)

- Sử dụng tổ hợp "quan hệ từ, đại từ, chỉ từ": *vì vậy, nếu thế, tuy thế . . . ; thế thì, vậy nên . ..*

**Ví dụ:** Nay người Thanh lại sang, mưu đồ lấy nước Nam ta đặt làm quận huyện, không biết trông gương mấy đời Tống, Nguyên, Minh ngày xưa. **Vì vậy** ta phải kéo quân ra đánh đuổi chúng. (Ngô gia văn phái)

***d. Phép đồng nghĩa, trái nghĩa***

***- Câu sau được liên kết với câu trước nhờ các từ đồng nghĩa.***

**Ví dụ:** ...Hàng năm **Thủy Tinh** làm mưa làm gió, bão lụt dâng nước đánh **Sơn Tinh**. Nhưng năm nào cũng vậy, **Thần Nước** đánh mỏi mệt, chán chê vẫn không thắng nổi **Thần Núi** để cướp Mị Nương, đành rút quân về. (Sơn Tinh, Thủy Tinh)

***- Câu sau liên kết với câu trước nhờ các từ trái nghĩa.***

**Ví dụ:** Những người **yếu đuối** vẫn hay **hiền lành**. Muốn **ác** phải là kẻ **mạnh.**

-- Hết --